

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Ngoan;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Thanh Hải;
2. Ông Hoàng Văn Tường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 422/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

2. *Bị đơn:* chị Phạm Thị K, sinh năm 1991; Tổ dân phố, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

\* *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn A- Chuyên viên Trung tâm truyền thông, văn hóa, thể thao huyện B (phiên dịch tiếng Hre). (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/3/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:*

Anh T và chị K kết hôn vào ngày 27/11/2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do anh bị tai nạn giao thông phải nằm điều trị ở bệnh viện, vợ nghe lời cha mẹ vợ cho rằng anh không còn khả năng lao động, không đảm bảo được cuộc sống cho vợ con nên chị Khanh bỏ đi Sài Gòn làm ăn mặc dù anh không đồng ý cho đi, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị K đã đến mức trầm trọng, không có khả năng hàn gắn được, vì vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Anh T và Chị K có 01 người con chung tên là Phạm Văn N, sinh ngày 04/11/2009, hiện nay cháu N đang sinh sống cùng anh T. Vì vậy, anh T yêu cầu cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị K trình bày:*

Chị K và anh T kết hôn vào năm 2009 như anh T trình bày là đúng. Năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị K trình bày là do anh T đi làm ăn nhưng không đưa tiền cho chị K chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và lo cho các con ăn học. Trong cuộc sống hàng ngày anh T thường hay hỏi những thứ lặt vặt và luôn cho rằng chị K tiêu sài phung phí, không biết tiết kiệm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó, chị K bỏ đi vô thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị K đồng ý.

- Về con chung: Anh T và Chị K có 01 người con chung tên là Phạm Văn N, sinh ngày 04/11/2009 hiện nay cháu N đang sinh sống cùng anh T như anh T trình bày là đúng. Nay anh Trui yêu cầu được nuôi con thì chị K đồng ý.

Quá trình tố tụng chị K yêu cầu anh T phải chi trả lại khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho mẹ chị trong thời gian 10 năm qua anh T chưa thực hiện với tổng số tiền là 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa chị K không còn yêu cầu này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 212, 213 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị K.

- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị K - giao con chung Phạm Văn N, sinh ngày 04/11/2009 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với yêu cầu của chị Phạm Thị K về việc yêu cầu anh Phạm Văn T hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con cho mẹ chị với số tiền 120.000.000 đồng: Đây chỉ là ý kiến của chị K đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị K không có đơn yêu cầu xem xét giải quyết. Hơn nữa căn cứ Điều 186, 187, chị K không có quyền yêu cầu khởi kiện nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị K không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị K mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Phạm Thị K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị K là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày do chị K nghe lời cha mẹ bỏ nhà đi vô thành phố Hồ Chí Minh làm ăn mà không được sự đồng ý của anh T. Còn chị K cho rằng anh T không đưa tiền cho chị chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, xét nét những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống. Quá trình tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, anh T và chị K xác nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không còn sống chung, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh T yêu cầu ly hôn với chị K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời chị K cũng thống nhất thuận tình ly hôn với anh T. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị K.

[2.2] Về con chung: anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Văn N, sinh ngày 04/11/2009, chị Khanh cũng đồng ý với yêu cầu của anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phạm Văn N cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa, chị K không yêu cầu hoàn trả lại khoản tiền cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị K mỗi người phải chịu 75.000đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị K.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 27/11/2009 của UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi chấm dứt giá trị pháp lý)

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Văn N, sinh ngày 04/11/2009 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T không yêu cầu chị Phạm Thị K cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu số tiền 75.000<sup>d</sup> (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm ngàn đồng*) anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004913 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàng trả lại cho anh Phạm Văn T số tiền 225.000đồng.

Chị Phạm Thị K phải chịu 75.000đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/8/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Ba Tơ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

**Ngô Văn Ngoan**